

Số: /BC-SNNMT
“Dự thảo”

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 13/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ); Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Bình (cũ) và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp tình hình thực hiện, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về Trồng trọt - Bảo vệ thực vật

1.1. Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ một số nội dung sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

1.1.1. Kinh phí hỗ trợ

Tổng kinh phí UBND tỉnh cấp hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 là: **109.430,356** triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ mua giống lúa là: 38.256,37 triệu đồng.
- Kinh phí hỗ trợ người dân mua phân bón hữu cơ cho các vùng cây ăn quả được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP: 14.936 triệu đồng.
- Kinh phí hỗ trợ mua thuốc diệt chuột: 14.729,987 triệu đồng.
- Kinh phí hỗ trợ các chương trình, đề án, dự án,...: 41.058 triệu đồng.

1.1.2. Kết quả đạt được

a) Về hỗ trợ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp

* Hỗ trợ giống lúa

- Từ năm 2021-2025, hỗ trợ gần 1.460 tấn giống lúa thuần, chất lượng, như: nếp Thom Hưng Yên, Đài Thom 8, VNR20, TBR225, Hana số 7, Tiền Hải 1, Hà phát 3, ĐH 12, Hương Bình, TBR87, ADI28,... tương ứng diện tích thực hiện khoảng 32.390 ha.

- Việc hỗ trợ kinh phí mua các giống lúa thuần chất lượng phục vụ sản xuất đại trà đã góp phần chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu giống lúa của tỉnh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị hàng hóa (tỷ lệ diện tích gieo, cấy giống lúa chất lượng cao tăng từ 70,1% năm 2021 lên 70,55% năm 2024); bên cạnh đó các giống lúa hỗ trợ có khả năng chống chịu sâu, bệnh hại tốt tạo thuận lợi cho công tác quản lý dịch hại; đảm bảo diện tích các giống lúa chủ lực mỗi vụ chỉ còn 3-4 giống, chiếm tỷ lệ diện tích trên 70% (đạt mục tiêu đề ra).

** Hỗ trợ phân bón hữu cơ sinh học, hữu cơ vi sinh cho các vùng sản xuất cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP*

Từ năm 2021-2025, hỗ trợ gần 1.670 tấn phân bón hữu cơ sinh học, hữu cơ vi sinh cho các vùng sản xuất cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP. Qua đó, đã từng bước thay đổi tư duy của người sản xuất, tạo tiền đề cho việc xây dựng nền sản xuất trồng trọt theo hướng hữu cơ, an toàn, bền vững, thân thiện với môi trường, nâng cao chất lượng, giá trị nông sản, mang lại giá trị kinh tế cao cho người sản xuất.

** Công tác diệt chuột*

Công tác diệt chuột được triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh nên hiệu quả diệt chuột tương đối cao, trung bình mỗi vụ diệt được từ 4-6 triệu con. Lượng chuột trong khu dân cư và ngoài đồng giảm nhiều đã giảm mức độ gây hại cây trồng, góp phần bảo vệ mùa màng và nâng cao hiệu quả sản xuất (đạt mục tiêu đề ra).

Sử dụng thuốc chuột Atimice 3DP cho thấy hiệu quả diệt chuột cao, đồng thời cũng cho thấy lợi ích kinh tế, sức khỏe và môi trường.

1.2. Về hỗ trợ các chương trình, đề án, dự án từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (cũ)

1.2.1. Dự án "Tăng cường khảo nghiệm để phát triển nhanh những giống cây trồng mới phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025"

- Hàng năm, thực hiện khảo nghiệm sản xuất trên cây lúa, cây ngô và cây rau màu với diện tích khoảng 30-45 ha; Trình diễn các giống cây trồng mới với diện tích khoảng 70-80 ha; Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất (máy bay không người lái, phân bón mới,...) trên cây lúa và cây rau màu với diện tích khoảng 20-30 ha. Tổ chức 10-15 lớp đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật gieo, trồng các giống mới cho khoảng 650-900 lượt người. (Đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra)

- Qua đánh giá các giống cây trồng đưa vào khảo nghiệm, trình diễn ở các năm, Ban quản lý dự án đã lựa chọn được một số giống cây trồng có triển vọng, có khả năng chống chịu tốt với sâu, bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu, cho năng suất, chất lượng cao đề xuất đưa vào cơ cấu giống của tỉnh như: Hương Bình, TBR87, TBR225, Hana số 7, ĐH12, N91,... Các giống này đều được nông dân các địa phương đánh giá cao về tính hiệu quả và chất lượng giống (hoàn thành kế hoạch tỉnh giao).

1.2.2. Dự án "Chọn lọc, duy trì, sản xuất giống gốc nếp Thom Hưng Yên và chọn tạo giống lúa mới phục vụ nhu cầu sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 -2027"

- Hàng năm, chọn lọc, duy trì giống gốc và sản xuất hạt giống nếp Thom Hưng Yên với diện tích khoảng 8 ha/năm; Sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng (SNC) nếp Thom Hưng Yên khoảng 16 ha/năm và Sản xuất hạt giống nguyên chủng (NC) giống nếp Thom Hưng Yên với diện tích khoảng 60-100ha/năm.

- Kết quả, hàng năm đã sản xuất được khoảng 500 - 700 tấn giống Nếp Thom Hưng Yên đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, góp phần chủ động nguồn giống phục vụ nhu cầu sản xuất của nông dân trong và ngoài tỉnh, khắc phục tình trạng người dân tự để giống lúa, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất.

1.2.3. Đề án "Bảo tồn và phát triển vùng trồng nhãn, vải đặc sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030"

Đề án đã xây dựng được 01 khu khuôn viên bảo tồn cây vải tổ vải Trúng Hưng Yên với quy mô 650m²; tiến hành bảo tồn nguyên trạng (bảo tồn tại chỗ) đối với 45 nguồn gen nhãn, 05 nguồn gen vải; xây dựng vườn bảo tồn chuyên vị đối với 50 nguồn gen nhãn, vải nêu trên tại Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Hưng Yên với quy mô là 01 ha; xây dựng mô hình, hoàn thiện quy trình thâm canh đối với các giống nhãn, vải đặc sản; hỗ trợ kinh phí trồng mới trên đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho 267,03 ha vải trúng Hưng Yên và ghép cải tạo, thay thế các nhãn, vải cho hiệu quả kinh tế thấp bằng các giống nhãn đặc sản (cùi cò, đường phèn, siêu ngọt...) cho khoảng 202ha.

1.2.4. Xây dựng mô hình ứng dụng nano tổng hợp trên cây ăn quả chủ lực của tỉnh

Từ năm 2021-2025, đã xây dựng được 10 mô hình ứng dụng nano tổng hợp trên cây ăn quả chủ lực của tỉnh với diện tích thực hiện là 69ha. Các mô hình ứng dụng nano tổng hợp đã góp phần hạn chế cơ bản các loại bệnh hại chính trên cây ăn quả như: thán thư, sương mai và bệnh thối quả. Giảm tỷ lệ rụng, nứt quả còn khoảng 3-5% so với khoảng 20 – 25% ở các mô hình canh tác theo kỹ thuật truyền thống. Đồng thời hạn chế sử dụng 40% - 50 % lượng thuốc BVTV so với mô hình không sử dụng góp phần giảm ô nhiễm môi trường, đảm bảo cho sự phát triển một nền nông nghiệp sạch, an toàn, hiệu quả và kinh tế, đồng thời nâng cao năng suất chất lượng nông sản. Việc xây dựng các mô hình ứng dụng đã góp phần tuyên truyền, thay đổi tư duy, nhận thức của nông dân về lựa chọn biện pháp quản lý, phòng trừ sâu bệnh hại nhằm bảo vệ kết quả sản xuất, tạo ra sản phẩm nông sản an toàn, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm bảo vệ sức khỏe người sản xuất, người tiêu dùng, bảo vệ môi trường.

1.2.5. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP (Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt) cho các vùng sản xuất cây ăn quả trên địa bàn tỉnh

Từ năm 2021-2025, đã xây dựng được 10 mô hình ứng dụng nano tổng hợp trên cây ăn quả chủ lực của tỉnh với diện tích thực hiện là 69ha. Kết quả: việc sử dụng chế phẩm nano tổng hợp đã góp phần hạn chế cơ bản một số bệnh gây hại chính trên cây ăn quả như: thán thư, sương mai và bệnh thối quả. Giảm tỷ lệ rụng, nứt quả, tăng mẫu mã, chất lượng sản phẩm quả; thay thế, hạn chế sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc vô cơ giảm ô nhiễm môi trường, nâng cao năng suất chất lượng nông sản, bảo vệ sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng. Việc xây dựng các mô hình ứng dụng đã góp phần tuyên truyền, thay đổi tư duy, nhận thức của nông dân về lựa chọn biện pháp quản lý, phòng trừ sâu bệnh hại nhằm bảo vệ kết quả sản xuất, tạo ra sản phẩm nông sản an toàn, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm bảo vệ sức khỏe người sản xuất, người tiêu dùng, bảo vệ môi trường.

1.2.6. Dự án "Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) gắn với sản xuất nông sản hữu cơ trên một số cây trồng chủ lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025"

Từ năm 2022-2024, Chi cục đã triển khai *huấn luyện nông dân FFS-IPM: 71 lớp trong đó cây lúa 25 lớp, cây ăn quả 39 lớp, cây rau: 5 lớp, cây cảnh 02 lớp. Đào tạo được 2.130 nông dân. Triển khai các Mô hình ứng dụng IPM vào sản xuất: Tổng diện tích thực hiện là 945ha, trong đó: cây lúa: 760 ha; cây rau màu: 25 ha, cây ăn quả 150 ha, cây cảnh 10ha. Tổng kinh phí thực hiện từ năm 2022-2025: 7.578.000.000 đồng*

Kết quả: Nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái và tăng tính thích ứng của cây trồng với biến đổi khí hậu, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong việc sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững và nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội; Giảm thiểu mọi nguy hại do lạm dụng hóa chất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, chế phẩm nano tăng tỷ lệ sử dụng thuốc BVTV sinh học, thuốc BVTV có độc tính thấp, nhanh phân hủy để bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; Tạo cơ sở để chứng nhận các vùng sản xuất an toàn đạt các tiêu chuẩn GAP, tiêu chí của mã số vùng trồng,... nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng.

1.3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết số 40/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được 07 hồ sơ¹ dự án liên kết đề nghị hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm, đã tham mưu UBND tỉnh đã phê duyệt hỗ trợ 01 Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo trên thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu tại Thái Bình đủ điều kiện hỗ trợ theo Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổng kinh phí hỗ trợ: 8.232.270.000 đồng, trong đó kinh phí nhà nước hỗ trợ là 2.376.000.000 đồng còn lại là vốn đối ứng của doanh nghiệp, tháng 01/2024, UBND tỉnh đã thực hiện hỗ trợ một số nội dung với số tiền là 886.030.000 đồng.

1.4. Kết quả thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai; mua máy cấy, hệ thống thiết bị sấy phục vụ sản xuất nông theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình

a. Về cơ chế chính sách hỗ trợ máy cấy, thiết bị sấy phục vụ sản xuất:

Toàn tỉnh hỗ trợ được là 956 máy cấy (trong đó máy cấy sản xuất trong tỉnh 585 cái; máy cấy cỡ trung do nước ngoài sản xuất có 348 cái, máy cấy cỡ lớn do nước ngoài sản xuất 23 cái) và 09 hệ thống thiết bị sấy, với tổng số tiền là 17.056.100.000 đồng, cụ thể:

- Năm 2022: toàn tỉnh hỗ trợ được 286 máy cấy, với số tiền là 2.612.950.000 đồng.

¹07 hồ sơ gồm: (1) Dự án phát triển liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm lúa thương phẩm DT66, do Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Lâm Thái Bình đăng ký chủ trì liên kết, thực hiện liên kết tại xã Tự Tân, Hòa Bình, Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; (2) Dự án phát triển liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gạo thương phẩm trên thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu tại Thái Bình, do HTX sản xuất kinh doanh nông sản Quang Lanh làm chủ trì liên kết, thực hiện tại xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; (3) Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ trứng vịt biển xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, do Hợp tác xã chăn nuôi tổng hợp xã Đông Xuyên làm chủ trì liên kết, thực hiện tại xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; (4) Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo trên thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu tại Thái Bình, do Cty TNHH Hưng Cúc làm chủ trì liên kết, thực hiện tại xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; Nhà máy chế biến: Lô đất diện tích 25.019 m², CCN Xuân Quang, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; (5) Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gạo đặc sản Nếp A sào tại Thái Bình, do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Seed làm chủ trì liên kết, thực hiện tại xã Đông Cự, huyện Tiền Hải, sử dụng giống Nếp A sào, diện tích khoảng 100-150ha; (6) Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gạo chất lượng TBR225 tại Thái Bình, do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Seed làm chủ trì liên kết, thực hiện tại xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, sử dụng giống TBR225, diện tích khoảng 100-150ha; (7) Dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm gạo chất lượng cao TBR39 tại Thái Bình, do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Seed làm chủ trì liên kết, thực hiện tại xã Đông Quý, huyện Tiền Hải, sử dụng giống TBR39, diện tích khoảng 100-150ha.

- Năm 2023 thực hiện 03 đợt hỗ trợ: được 437 máy cấy, 04 hệ thống thiết bị sấy, với số tiền là 11.619.400.000 đồng.

- Năm 2024: trong tháng 01/2024 hỗ trợ là 233 máy cấy và 05 hệ thống thiết bị sấy, với số tiền là 5.436.700.000 đồng.

b. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai: Chưa có tổ chức, cá nhân được hưởng cơ chế, chính sách tích tụ, tập trung đất đai theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND.

1.5. Kết quả thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp theo Nghị Quyết số 08/2023/NQ-HĐND, ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính đã đồng trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND cho 03 xã An Ninh, Bình Định, Bình Thanh với tổng kinh phí là 2.540.463.200 đồng (*tại các Quyết định: số 892/QĐ-UBND ngày 16/5/2025; số 1338/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình*).

1.6. Cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp hàng vụ, hàng năm

Giai đoạn 2021- 2023, có 09 Quyết định của UBND tỉnh ban hành về cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp hàng vụ, hàng năm, (*trong đó có 04 Quyết định về hỗ trợ nông dân tổ chức diệt chuột bảo vệ sản xuất; 04 Quyết định về cơ chế hỗ trợ sản xuất vụ Đông và 01 Quyết định về hỗ trợ kinh phí sản xuất nông nghiệp vụ Mùa năm 2021*). Cụ thể:

- Sản xuất trồng trọt vụ Đông: Vụ Đông được xác định là vụ sản xuất đặc biệt quan trọng đối với tăng trưởng của ngành nông nghiệp trong nhiều năm gần đây, do đó UBND tỉnh ban hành các quyết định về cơ chế chính sách hỗ trợ để thúc đẩy sản xuất vụ Đông được nâng cao với cơ chế phù hợp với tình hình sản xuất vụ Đông các năm như: chính sách phát triển 1 – 2 cây trồng chủ lực, lợi thế của địa phương; hỗ trợ cây khoai tây ... với kinh phí hỗ trợ từ 8,6 tỷ đến 12 tỷ đồng/vụ.

- Sản xuất vụ Mùa: Hỗ trợ diện tích cây lúa sử dụng máy cấy trong vùng có quy mô tập trung từ 10 ha trở lên ở vụ Mùa năm 2021, định mức hỗ trợ 550.000 đ/ha, kinh phí hỗ trợ là 2.360.375.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí mua thuốc, tổ chức diệt chuột: Vụ Đông Xuân hàng năm, UBND tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí mua thuốc, tổ chức diệt chuột khoảng 5 đến 6 tỷ đồng/vụ.

2. Về lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y

2.1. Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 24/02/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) ban hành quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển chăn nuôi trâu, bò thương phẩm theo chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh Thái Bình (cũ), giai đoạn 2020-2025

a) Kết quả đạt được

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết, hiện tại trên địa bàn tỉnh, chưa tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nghiệm thu, thẩm định, cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện các cơ chế, chính sách của các tổ chức, cá nhân. Một số hoạt động được thực hiện lồng ghép trong các chương trình, dự án của các đơn vị như:

- Về tuyên truyền, tập huấn: Các đơn vị đã tổ chức 180 lớp tuyên truyền, và hướng dẫn kỹ thuật; hỗ trợ được hơn 198 nghìn liều vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng thông qua thực hiện Đề án nâng cao năng lực, chủ động kiểm soát dịch bệnh; hỗ trợ được gần 11.000 liều tinh bò cao sản để phát triển phối giống nhân tạo (trong 2 năm 2019-2020) theo cơ chế tại Đề án tái cơ cấu giống gia súc trong chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2016-2020.

- Về hỗ trợ tiếp cận tín dụng: Giai đoạn 2019-2022, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thái Bình đã triển khai, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện cho vay phát triển đàn trâu, bò thương phẩm theo chuỗi liên kết, dư nợ đến 31/12/2022 đạt 50 tỷ đồng với khoảng gần 1.000 hộ còn dư nợ. Cục Thuế tỉnh Thái Bình đã tổ chức tuyên truyền, quảng bá rộng rãi đến các doanh nghiệp, các hộ chăn nuôi các chính sách của Đề án; tích cực giải đáp vướng mắc, hướng dẫn thủ tục cho các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện đăng ký kê khai thuế, miễn giảm thuế theo quy định; kịp thời giải quyết miễn, giảm tiền thuê đất của các dự án chăn nuôi trên địa bàn tỉnh khi nhận được hồ sơ xin miễn, giảm của người nộp thuế. Hội Nông dân tỉnh đã hỗ trợ cho 33 hộ chăn nuôi bò sinh sản vay vốn phát triển sản xuất với tổng số tiền 6.160 triệu đồng thông qua nguồn vốn uỷ thác của Trung ương Hội, của tỉnh. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ưu tiên hỗ trợ cho 4 hộ nuôi bò sinh sản vay vốn với tổng dư nợ trên 200 triệu đồng.

- Về cải tạo, nâng cao chất lượng giống: Công tác giống bò được chú trọng thực hiện, tạo nhiều chuyển biến tích cực về cơ cấu, nâng cao chất lượng con giống và sản phẩm chăn nuôi. Đàn bò của tỉnh đã và đang cải tạo thông qua công tác phối giống nhân tạo theo hướng lai nhóm bò Zebu (chủ yếu là giống Brahman), số ít là giống bò Senepol, Angus, Droughtmaster, BBB; tỷ lệ đàn bò cái nèn đạt chuẩn tăng từ 29,31% (năm 2019) lên đạt khoảng 45% so với tổng đàn (năm 2023). Thê vóc, khối lượng, năng suất đàn bò sinh sản và bò thương phẩm cao hơn so với trước, phần lớn bò sinh sản có khối lượng đạt khoảng 250-300kg/con, cá biệt có bò đạt 450-500 kg/con (huyện Hưng Hà, Quỳnh Phụ); khối lượng bò xuất chuồng trung bình năm 2022 đạt 260-280 kg/con, trâu đạt 300-320 kg/con (năm 2018: 220-240 kg/con đối với bò và khoảng 180-200 kg/con đối với trâu). Đã đào tạo thêm được 07 dẫn tinh viên cho trâu, bò, nâng tổng số dẫn tinh viên cho trâu, bò được đào tạo toàn tỉnh là 43 người. Hiện có 27 người có tay nghề cao, đang hành nghề thường xuyên. Từ năm 2019 đến nay, đã sử dụng 27.000 liều tinh bò cao sản để phối giống nhân tạo cải tạo đàn bò; trong đó có khoảng 16.000 liều do người chăn nuôi chi trả kinh phí.

- Về chuyển giao kỹ thuật chăm sóc và ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lý môi trường trong chăn nuôi trâu, bò được tăng cường; có nhiều mô hình chăn nuôi trâu, bò; mô hình xử lý chất thải bảo vệ môi trường được xây dựng đạt hiệu quả.

Trong 05 năm, đã có 03 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học công nghệ về xử lý môi trường, công tác giống bò và trồng cỏ được triển khai thực hiện đem lại hiệu quả thiết thực, khẳng định giải pháp sử dụng chế phẩm vi sinh xử lý hiệu môi trường chăn nuôi; đã xây dựng được trên 70 mô hình khuyến nông về chăn nuôi trâu bò sinh sản, trâu bò thịt, vỗ béo trâu, bò và áp dụng đệm lót sinh học để xử lý chất thải trâu, bò đạt hiệu quả.

- Về kêu gọi, thu hút doanh nghiệp: Đã kêu gọi, thu hút được 08 doanh nghiệp về khảo sát, nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn tỉnh; có 01 dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (200 con bò sinh sản và 150 con bò thịt/năm); 02 hồ sơ dự án chưa đủ điều kiện chấp thuận theo quy định; 01 hợp tác xã và 01 tổ hợp tác về chăn nuôi trâu bò được hỗ trợ thành lập.

- Hoạt động xúc tiến thương mại, hội nghị thu hút đầu tư, mở rộng thị trường

Từ năm 2020 đến nay, trên địa bàn tỉnh các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ tìm kiếm thị trường; quảng bá, giới thiệu thương hiệu, sản phẩm, tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết, mở rộng thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước các sản phẩm, hàng hóa của địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh của tỉnh được tổ chức thực hiện theo kế hoạch khuyến thương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Khó khăn vướng mắc:

- Các mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết, Đề án đạt thấp hoặc chưa đạt được
- Các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết chưa thực hiện được hoặc thực hiện đạt kết quả thấp:

+ Các nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến trang trại lõi, doanh nghiệp hạt nhân không đạt được; chưa hình thành được chuỗi liên kết giá trị trong chăn nuôi trâu, bò giữa doanh nghiệp hạt nhân với các vệ tinh gồm doanh nghiệp vệ tinh, hợp tác xã, tổ hợp tác thông qua trang trại “lõi” theo yêu cầu tại Đề án của tỉnh.

+ Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển chăn nuôi trâu, bò liên quan đến điều kiện liên kết chuỗi giữa doanh nghiệp hạt nhân, trang trại lõi và trang trại, hộ vệ tinh chưa thực hiện được như chính sách ưu đãi về đất đai; tích tụ, tập trung đất đai; hạ tầng vùng, khu chăn nuôi trâu, bò tập trung; tín dụng; đệm lót sinh học, ...

+ Một số chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật và tuyên truyền; hỗ trợ vắc xin phòng bệnh, hỗ trợ phát triển phối giống nhân tạo chủ yếu là thực hiện lồng ghép các chương trình, đề án khác đã và đang triển khai, chưa hỗ trợ từ chính sách của đề án, do năng lực các cơ sở chăn nuôi hạn chế, chưa đáp ứng phương thức hỗ trợ sau đầu tư.

+ Quy hoạch đất dành cho chăn nuôi, việc xúc tiến thương mại mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm chưa đáp ứng nhu cầu.

- Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND gặp rất nhiều tồn tại, khó khăn như đã nêu trên, mặc dù sau 05 năm nỗ lực chỉ đạo thực hiện Nghị quyết nhưng đến nay hầu hết các mục tiêu của Nghị quyết đặt ra đạt thấp hoặc không đạt được. Bên cạnh đó, bối cảnh thực tiễn phát triển chăn nuôi đã thay đổi theo hướng thuận lợi để phục hồi và phát triển chăn nuôi lợn do có vắc xin phòng bệnh DTLCP, tính cấp thiết, vai trò của phát triển chăn nuôi trâu, bò để bù đắp sự thiếu hụt thực phẩm do dịch bệnh DTLCP gây ra không còn vai trò quan trọng nữa.

Từ những thực tế nêu trên, Chi cục đã đề xuất dừng thực hiện Nghị quyết sau thực hiện khi sáp nhập tỉnh.

2.2. Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) ban hành Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Bình (cũ);

Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đợt 1: hỗ trợ kinh phí di dời cơ sở chăn nuôi cho 03 hộ chăn nuôi theo Tờ trình số 412/TTr-UBND ngày 27/11/2024 của UBND huyện Thái Thụy, tổng số tiền hỗ trợ là 252.500.000 đồng; hỗ trợ đợt 2: hỗ trợ kinh phí di dời cơ sở chăn nuôi cho 18 hộ chăn nuôi đáp ứng điều kiện tại huyện Thái Thụy, tổng số tiền hỗ trợ là 824.310.000 đồng. Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ (đợt 1+2): 1.076.810.000 đồng.

2.3. Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên (cũ) về việc Phê duyệt Dự án phát triển chăn nuôi bò hàng hóa chất lượng cao tỉnh Hưng Yên (cũ) giai đoạn 2018-2023; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 26/03/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên (cũ) về việc phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030 (cũ)

a) Kết quả đạt được

- Các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đã từng bước đưa ngành chăn nuôi phát triển theo hướng CNH-HĐH, chăn nuôi công nghệ cao, giảm dần chăn nuôi quy mô nông hộ, nhỏ lẻ, tăng quy mô chăn nuôi trang trại, ngành chăn nuôi trở thành kinh tế chăn nuôi, đầu tư có hiệu quả đối với từng đối tượng vật nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn.

- Năng suất và chất lượng con giống được cải thiện đáng kể thông qua công tác quản lý giống, công tác giám định, bình tuyển đánh giá chất lượng giống vật nuôi; khuyến khích các hộ chăn nuôi áp dụng công nghệ cao vào trong chăn nuôi như là công tác thụ tinh nhân tạo lợn, bò thịt, bò sữa, gà đông tảo... Kết quả đạt được đến năm 2024 như sau: tình hình chăn nuôi phát triển khá ổn định, kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, nhất là DTLCPP; tuy nhiên, chăn nuôi nói chung và chăn nuôi lợn nói riêng ở Hưng Yên vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của giá vật tư đầu vào cao, cơn bão số 3 YAGI, tình hình chính trị bất ổn của một số nước làm ảnh hưởng đến việc phát triển đàn vật nuôi, chuỗi cung ứng thực phẩm; xong, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp – PTNT, sự phối hợp có hiệu quả của các cấp, các ngành, sự cố gắng của người chăn nuôi, tình hình chăn nuôi phát triển khá ổn định, tại các trang trại và các cơ sở đảm bảo các điều kiện an toàn sinh học. Theo báo cáo nhanh của các huyện, thị xã, thành phố, tổng đàn lợn tính đến thời điểm hiện tại khoảng 517.796 con (tăng 0,16% so với cùng kỳ năm trước (CKNT), đàn gia cầm trên 9.084 nghìn con (giảm 3,3% so với CKNT), đàn trâu 4.718 con (giảm 2,8% so với CKNT), bò trên 30.746 con (tăng 1,29% so với CKNT). Tổng sản lượng thịt hơi ước đạt 162.970 tấn (tăng 7,2% so với CKNT). Giá thịt lợn hơi giao động ở mức 61.000-63.000đ/kg thịt hơi, giá thịt gà Đông tảo lai từ 100.000-120.000đ/kg, giá thịt bò 76-80 ngàn đồng/kg. Chất lượng con giống được nâng lên 100% là lợn nạc và siêu nạc, 100% đàn bò được sinh hóa (trong đó đàn bò lai

3 máu, 4 máu chiếm trên 42%), đàn gà lông màu chiếm 90% (trong đó gà Đông tảo, Đông tảo lai chiếm trên 36%) tổng đàn. Hình thức và quy mô chăn nuôi chuyển dần theo hướng giảm chăn nuôi quy mô nông hộ, tăng chăn nuôi quy mô trang trại đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường gắn với việc thi hành Luật Chăn nuôi. Có 598 trang trại đạt tiêu chí trang trại theo Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Nâng cao khả năng cạnh tranh các sản phẩm chăn nuôi thông qua việc hình thành các chuỗi liên kết trong chăn nuôi như là các THT/HTX chăn nuôi.

Kết quả thực hiện các dự án, đề án qua các năm

TT	Tên dự án, đề án	2021 (Tỷ đồng)	2022 (Tỷ đồng)	2023 (Tỷ đồng)	2024 (Tỷ đồng)	2025 (Tỷ đồng)	Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025 (Tỷ đồng)
1	Dự án phát triển chăn nuôi bò hàng hóa chất lượng cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023	3,596.1	4,350	4,500			12,446.1
2	Đề án phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi Vietgahp đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030	4,500	5,800	7,500	6,390	6,650	30,840

b) Khó khăn, vướng mắc

- Việc cấp ngân sách của tỉnh đầu tư cho các dự án phát triển chăn nuôi còn hạn chế so với mục tiêu của dự án nên kết quả đạt được còn ở mức khiêm tốn

- Có thời điểm giá nguyên liệu đầu vào tăng cao từ 20 % - 40%, giá bán sản phẩm không ổn định, nhất là giá lợn thịt thời gian dài đứng ở mức thấp làm ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi

- Chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP, chăn nuôi hướng hữu cơ đã được quan tâm và đạt được kết quả bước đầu, xong còn thấp (15-20%) chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chăn nuôi nông hộ mật độ dày, chăn nuôi trang trại hầu hết nằm trong khu dân cư, không đủ điều kiện theo Luật, không đạt tiêu chí về khoảng cách; môi trường chăn nuôi xử lý chưa triệt để gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng; quy hoạch đất dành cho phát triển chăn nuôi chưa được quan tâm đúng mức, chưa có cơ sở giết mổ tập trung, chủ yếu giết mổ quy mô nông hộ, công nghệ chưa tiên tiến gây khó khăn trong công tác quản lý và kiểm soát dịch bệnh, kiểm soát an toàn thực phẩm.

- Liên kết trong sản xuất chăn nuôi còn yếu và thiếu bền vững. Hợp tác xã chăn nuôi được thành lập, xong chất lượng hoạt động còn hạn chế, chưa thực hiện tốt dịch vụ đầu vào và đầu ra cho các thành viên hợp tác xã; trình độ quản trị của lãnh đạo hợp tác xã còn hạn chế.

2.4. Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) về việc quy định khu vực không được phép chăn nuôi thuộc nội thành, nội thị của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; chính sách hỗ trợ khi di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (cũ).

a) Kết quả thực hiện

* Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh

- Sở Nông nghiệp & PTNT phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 10 lớp tập huấn tại các khu vực không được phép chăn nuôi để tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND, Kế hoạch số 90/KH-UBND, Hướng dẫn liên ngành số 302/HDLN-TC-NN&PTNT-KH&ĐT-TN&MT-XD cho các hộ chăn nuôi và cán bộ phụ trách nông nghiệp phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- 10/10 huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo UBND các phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền phổ biến nội dung Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND, Kế hoạch số 90/KH-UBND, Hướng dẫn liên ngành số 302 /HDLN-TC-NN&PTNT-KH&ĐT-TN&MT-XD trên hệ thống loa truyền thanh của phường, thị trấn; thành lập tổ xác minh thực hiện công tác rà soát thống kê, hướng dẫn tuyên truyền trực tiếp, vận động các hộ chăn nuôi thực hiện theo nội dung Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

* Kết quả rà soát thống kê cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo UBND các phường, thị trấn tổ chức rà soát thống kê các cơ sở chăn nuôi, tổng đàn vật nuôi; thành lập tổ xác minh vận động, tuyên truyền tới các hộ chăn nuôi thực hiện tốt nội dung thực hiện Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

Tính đến hết ngày 22/11/2024 các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện thực hiện Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh với kết quả cụ thể như sau:

- Qua rà soát, thống kê, số hộ chăn nuôi trong khu vực cấm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh là 550 hộ chăn nuôi.

- Số hộ đã ký cam kết dừng hoạt động chăn nuôi là 496 hộ (chiếm 90,2%)

- Số hộ đã dừng hoạt động chăn nuôi là 222 hộ (chiếm 40,4%)

- Số hộ đã tháo dỡ chuồng trại là 99 hộ (chiếm 18%)

- Số hộ đã nhận hỗ trợ: 96 đạt 17,5%

Theo kết quả trên, có một số đơn vị đạt kết quả tích cực trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 330/2022/NQ-HĐND đối với tỷ lệ số hộ dừng hoạt động chăn nuôi và tỷ lệ số hộ đã làm hồ sơ nhận kinh phí hỗ trợ lần lượt là: Kim Động 77/92 hộ đạt 83,7% và 57/92 hộ đạt 62%, Yên Mỹ 66/97 hộ đạt 68% và 33/97 hộ đạt 34%, Khoái Châu 3/3 hộ đạt 100%, Văn Giang 4/4 hộ đạt 100%; các huyện

còn lại tỷ lệ số cơ sở dừng hoạt động chăn nuôi và tỷ lệ số hộ nhận kinh phí hỗ trợ rất thấp điển hình như huyện Văn Lâm 0/39 hộ đạt 0% và 0/39 hộ 0%, Mỹ Hào 22/142 hộ đạt 15,5% và 0/142 hộ đạt 0%, Phù Cừ 3/29 hộ 10,3% và 1/29 hộ đạt 3,4%; TP.Hưng Yên 15/48 hộ đạt 31,3% và 1/48 hộ đạt 2,1%, Ân Thi 16/63 đạt 25,4% và 0/63 đạt 0%, Tiên Lữ 16/33 hộ đạt 48,5% và 0/33 hộ đạt 0%.

b) Khó khăn, vướng mắc

- Trong quá trình thực hiện, một số hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tuổi lao động không còn nên họ tận dụng mọi phụ phẩm nông nghiệp để chăn nuôi, thu nhập từ hoạt động chăn nuôi trở thành thu nhập chính của gia đình.

- Một số gia đình mới dồn hết vốn để đầu tư chuồng nuôi kiên cố thực hiện chăn nuôi, trong khi thu nhập từ hoạt động chăn nuôi luôn chịu ảnh hưởng nhiều từ yếu tố thiên tai, dịch bệnh, thị trường... nên các hộ chưa kịp thu hồi vốn đầu tư, trong khi đó họ không có đủ tiềm lực để di dời sang một địa điểm khác.

- Do địa phương chưa bố trí được khu chăn nuôi tập trung nên các cơ sở chăn nuôi tâm huyết với nghề còn đang loay hoay trong việc lựa chọn phương án di dời ra một vị trí chăn nuôi mới.

- Một số địa phương vào cuộc còn chưa quyết liệt, công tác tuyên truyền vận động, tổ chức thực hiện còn rất hạn chế

3. Về lĩnh vực Biển và Thủy sản

3.1 Các chính sách huy động nguồn vốn đầu tư ngân sách trung ương cho phát triển thủy sản

Thái Bình (cũ) có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản đặc biệt là nuôi ngao bãi triều với diện tích trên 3000 ha, sản lượng đạt trên 120 nghìn tấn/năm, chiếm 50% sản lượng ngao của cả nước. Tuy nhiên, nguồn ngao giống thường được người nuôi lấy từ các tỉnh ngoài chuyển về ương nuôi. Để đáp ứng nhu cầu nuôi ngao của tỉnh, ngày 05/5/2023 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Quyết định 1755/QĐ-BNN-TCTS về đầu tư hạ tầng vùng sản xuất Ngao giống tại huyện Thái Thụy (cũ), số vốn đầu tư 95 tỷ đồng (80 tỷ từ ngân sách trung ương và 15 tỷ từ ngân sách địa phương). Đến nay ban quản lý dự án đã thi công công trình dự án theo tiến độ, đang tiến hành các bước tiếp theo.

3.2. Các chính sách huy động nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương cho phát triển thủy sản

Giai đoạn 2021-2025, bên cạnh thực hiện các cơ chế, chính sách trung ương hỗ trợ, Chi cục Biển và Thủy sản còn thực hiện, triển khai một số cơ chế chính sách hỗ trợ người dân phát triển sản xuất thông qua các Đề án, Dự án. Cụ thể như sau:

- Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên (cũ) giai đoạn 2019-2021: Đã hỗ trợ 13 tổ chức, cá nhân làm mới 189 lồng với tổng kinh phí Nhà nước hỗ trợ 2.835.000.000 đồng (mức hỗ trợ 30% tổng kinh phí);

- Dự án phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi tỉnh Hưng Yên (cũ) giai đoạn 2019 - 2021: Đã hỗ trợ 12 tổ chức, cá nhân tham gia triển khai 42 ha ao bán nổi với tổng kinh phí Nhà nước hỗ trợ 2.940.000.000 đồng (mức hỗ trợ 30% tổng kinh phí);

- Đề án phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên (cũ) giai đoạn 2020-2025: Đã hỗ trợ 61 hộ dân tham gia triển khai 188 ha ao nuôi thâm canh với tổng kinh phí Nhà nước hỗ trợ 16.920.000.000 đồng.

- Thực hiện chương trình vốn khuyến nông, giai đoạn 2021-2025, Chi cục Biển và thủy sản tổ chức phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện (cũ) triển khai 18 mô hình khuyến nông nuôi thủy sản, tổ chức 67 lớp tập huấn, 19 hội nghị hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật nuôi mới, thích ứng với biến đổi khí hậu cho hơn 5.000 lượt tổ chức, cá nhân hoạt động lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản tham gia, tổng nguồn vốn khuyến nông trên 3 tỷ đồng.

Ngoài chính sách về hỗ trợ kết cấu hạ tầng, lĩnh vực thủy sản còn được nhà nước quan tâm xây dựng nhiều cơ chế chính sách khác như chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm thủy sản tại Nghị định số 98/NĐ-2018 ngày 05/7/2028 của Chính phủ, chính sách hỗ trợ một phần chi phí để khôi phục sản xuất nông nghiệp do bị thiên tai quy định tại Nghị định 09/NĐ-CP ngày 10/01/2025 (Năm 2024 Chi cục Biển và Thủy sản đã tổng hợp danh sách hộ nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do cơn bão Yagi đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) hỗ trợ với số tiền trên 35 tỷ đồng), cùng với đó Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 40/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025. Theo đó, các dự án liên kết sản xuất nông nghiệp, bao gồm áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, được hỗ trợ chi phí tư vấn, hạ tầng và các hoạt động khuyến nông, đào tạo, tập huấn, giống vật tư, bao bì, tem, nhãn mác sản phẩm.

- Hàng năm Chi cục Biển và Thủy sản phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã ven biển thường xuyên tổ chức phòng chống dịch bệnh trên động vật thủy sản (tôm sú, tôm thẻ). Kết quả năm 2025, Chi cục Biển và Thủy sản tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ 5 tấn sodium chlorite cho các địa phương cấp phát cho người dân phòng chống dịch bệnh đốm trắng trên tôm nuôi.

4. Về Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

4.1. Chính sách hỗ trợ KTTT, hợp tác xã nông nghiệp

4.1.1. Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

** Tỉnh Hưng Yên cũ :*

Giai đoạn 2021-2025, Chi cục hỗ trợ 85 HTX nông nghiệp thành lập mới theo quy định tại Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh. Nội dung hỗ trợ một phần kinh phí mua sắm máy, thiết bị phục vụ quản lý điều hành của hợp tác xã và hỗ trợ HTX xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm máy móc phục vụ sản xuất, kinh doanh; mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/HTX; tổng kinh phí đã hỗ trợ 17.910 triệu đồng.

Hỗ trợ thành lập mới THT nông nghiệp: Hỗ trợ 29 THT thành lập mới theo quy định của Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 8/9/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên. Nội dung hỗ trợ một phần kinh phí mua sắm máy móc phục vụ quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh; mức hỗ trợ 20 triệu đồng/THT; tổng kinh phí hỗ trợ 580 triệu đồng.

** Tỉnh Thái Bình cũ:*

Hỗ trợ đầu tư đường giao thông trục chính nội đồng, kênh mương cấp 1 loại 3 cho các HTX nông nghiệp để xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với tổng kinh phí phân bổ giai đoạn 2021-2025 là 248,0 tỷ đồng, xây dựng kết cấu hạ tầng cho 35 vùng sản xuất của 35 HTX trên địa bàn 7 huyện từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ thí điểm mô hình xây dựng Trung tâm thu mua- cung ứng nông sản an toàn cấp huyện tại xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ là 13.500 triệu đồng theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đồng ruộng tại 02 mô hình lĩnh vực nông nghiệp là HTX SXKD DVNN xã Bình Định và HTX DVNN xã Điệp Nông thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 4/5/2021 về việc triển khai thực hiện hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ với tổng kinh phí ước thực hiện giai đoạn 2021- 2025 là: 16,3 tỷ đồng.

4.1.2. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm

** Tỉnh Hưng Yên cũ:*

Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm (Phiên chợ Vải Hưng Yên, Tuần lễ nhãn lồng- nông sản tiêu biểu tỉnh Hưng Yên, Phiên chợ Cam Hưng Yên, gian hàng của tỉnh tham gia các chương trình, hội nghị tại các tỉnh, thành phố cả nước..); hỗ trợ máy móc, thiết bị chế biến nông sản (14 hợp tác xã); hỗ trợ phát triển thương hiệu sản phẩm (Nhãn lồng Hưng Yên, Mật ong hoa nhãn Hưng Yên, Cam Hưng Yên, Long nhãn Hưng Yên, Nghệ Chí Tân Khoái Châu, Làng nghề hoa cây cảnh Văn Giang, Chuối tiêu hồng Khoái Châu- Hưng Yên, Bánh tẻ Phụng Công, Sen Hưng Yên); hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử...

** Tỉnh Thái Bình cũ:*

Giai đoạn 2021-2025: Ủy ban nhân dân tỉnh và UBND các huyện, TP đã hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP cho 62 sản phẩm của 54 Hợp tác xã gồm (*hỗ trợ xây dựng hồ sơ OCOP, tư vấn xây dựng thương hiệu, đăng ký sở hữu thương hiệu, hỗ trợ bao bì, nhãn mác ...*), với tổng kinh phí 2.800 triệu đồng.

4.1.3. Tuyên truyền, tập huấn, tư vấn quy định pháp luật về HTX

** Tỉnh Hưng Yên cũ:*

Chi cục Phát triển nông thôn tổng hợp, biên soạn 899 cuốn tài liệu “Sổ tay tuyên truyền về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Các văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu về kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm”; tổ chức 72 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho 4.403 lượt cán bộ quản lý, thành viên HTX.

** Tỉnh Thái Bình cũ:*

Giai đoạn 2021-2025: Chi cục Phát triển nông thôn đã thực hiện 61 lớp/3.630 lượt người tham gia bồi dưỡng, tập huấn tuyên truyền về Luật HTX, các chủ trương chính sách phát triển kinh tế tập thể, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý HTX là Giám đốc, trưởng ban kiểm soát, kế toán HTX, các tổ đội dịch vụ nông nghiệp. Tổ chức cho 6 đoàn công tác/314 người là cán bộ quản lý HTX nông nghiệp đi nghiên cứu học tập mô hình HTX hoạt động hiệu quả gắn với liên kết tiêu

thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại các tỉnh: Quảng Ninh, Hưng Yên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Yên Bái, Hoà Bình, Sơn La với tổng kinh phí 800 triệu đồng

4.2. Phát triển kinh tế trang trại

- *Hỗ trợ hạ tầng phục vụ sản xuất của các khu trang trại, gia trại tập trung:* Chi cục thực hiện hỗ trợ xây dựng đường giao thông đến khu sản xuất trang trại, gia trại tập trung xã Việt Hòa, xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, xã Hùng An, Phạm Ngũ Lão huyện Kim Động, với 2,6 km, tổng kinh phí hỗ trợ 6,7 tỷ đồng.

- *Công tác đào tạo, tập huấn:* Chi cục Phát triển nông thôn thực hiện 49 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho 4.265 lượt đại biểu, là cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trang trại, gia trại cấp huyện, cấp xã, các chủ trang trại, gia trại trên địa bàn tỉnh; nội dung tập huấn về sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong trang trại, tổ chức tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh trang trại... tổng kinh phí 1,7 tỷ đồng. Ngoài ra, các phòng, đơn vị trực thuộc sở cũng đã thực hiện 661 lớp tập huấn cho trên 62.000 lượt đại biểu, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, kỹ thuật chuyên môn cho các trang trại, gia trại; các đơn vị trực thuộc sở, các huyện, thị xã, thành phố tổ chức khoảng 1.000 lớp đào tạo, tập huấn không cấp chứng chỉ, cho khoảng 71.000 lượt học viên là chủ trang trại, chủ gia trại, hộ sản xuất nông nghiệp.

- *Đầu tư, hỗ trợ các trang trại, gia trại thực hiện nông nghiệp số, hướng hữu cơ, tuần hoàn gắn với chuỗi giá trị:* Chi cục thực hiện hỗ trợ 34 trang trại đầu tư máy móc chuyển đổi số; ngoài ra nhiều trang trại khác đã tự đầu tư máy móc cơ giới hóa, máy móc chuyển đổi số phục vụ quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh trong phát triển kinh tế trang trại... tổng kinh phí hỗ trợ 2,06 tỷ đồng.

- *Hỗ trợ đầu tư chuẩn hóa sản phẩm của trang trại tham gia Chương trình OCOP:* Hàng năm, hỗ trợ các sản phẩm trang trại, gia trại về chất lượng sản phẩm; mã số, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; chứng nhận sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm; bảo vệ môi trường; mẫu mã bao bì..., để chuẩn hóa sản phẩm, đủ điều kiện tham gia Chương trình OCOP của tỉnh; có 69 chủ trang trại, chủ gia trại (hoặc là thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác) được công nhận 141 sản phẩm OCOP, trong đó 129 sản phẩm OCOP 3 sao, 12 sản phẩm OCOP 4 sao.

4.3. Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp

Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã hỗ trợ được: 1.773 máy cấy lúa; 32 hệ thống thiết bị sấy; 52 máy kéo các loại; 54 máy gặt đập liên hợp; 01 thiết bị sạ cụm bón phân vùi gắn máy cày; 08 máy áp trứng gia cầm, máy nở trứng gia cầm; 03 máy lọc phân hữu cơ.

Trong đó:

- *Tỉnh Hưng Yên cũ:* hỗ trợ nông dân mua 136 máy cơ giới nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp phục vụ sản xuất, gồm: 52 máy kéo các loại; 17 máy cấy lúa; 54 máy gặt đập liên hợp; 01 thiết bị sạ cụm bón phân vùi gắn máy cày; 08 máy áp trứng gia cầm, máy nở trứng gia cầm; 03 máy lọc phân hữu cơ; tổng kinh phí hỗ trợ 9.463,75 triệu đồng (*Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện dự án đẩy mạnh phát triển cơ giới hóa nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025*);

- *Tỉnh Thái Bình cũ:* hỗ trợ mua 1.756 máy cấy; 32 hệ thống thiết bị sấy với tổng số tiền hỗ trợ là 40,22 tỷ đồng (*Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND quy định*

về cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai; mua máy cày, hệ thống thiết bị sấy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025)

4.4. Cơ chế, chính sách xây dựng nông thôn mới

4.4.1. Hỗ trợ bằng tiền cho xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu:

* Tỉnh Hưng Yên cũ:

Hỗ trợ kinh phí cho các địa phương tổ chức công bố, đón bằng công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu: Hỗ trợ đơn vị cấp huyện tổ chức công bố và đón bằng công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 02 huyện x 500 triệu đồng/huyện = 1 tỷ đồng; Hỗ trợ xã tổ chức công bố, đón bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 57 xã x 50 triệu đồng/xã = 2 tỷ 8 trăm năm mươi triệu đồng.

Hỗ trợ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 35 xã x 2 tỷ đồng/xã = 70 tỷ đồng; hiện nay còn 22 xã đã được công nhận xã NTM kiểu mẫu chưa được ngân sách tỉnh hỗ trợ, các sở, ngành đang hoàn thiện thủ tục trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

(Nghị quyết số 233/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 HĐND tỉnh Hưng Yên về việc Quy định chính sách hỗ trợ các địa phương về đích sớm, được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025)

* Tỉnh Thái Bình cũ:

+ Ngân sách tỉnh đã hỗ trợ 146 tỷ đồng cho các xã đã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao (hỗ trợ 3 tỷ/xã), xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (hỗ trợ 5 tỷ/xã) (trong đó: Hỗ trợ 71 tỷ cho các xã theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến hết năm 2025; Hỗ trợ 75 tỷ đồng cho các xã để xây dựng các công trình phúc lợi và tiếp tục phấn đấu, củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2025 quy định mức thưởng cho các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2019-2022)

+ Hiện nay còn 02 xã đã được công nhận xã NTM kiểu mẫu (xã Tây Giang, xã Nam Thịnh) và 04 xã NTM nâng cao (xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải; xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư; xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy và xã Đông Phương, huyện Đông Hưng) chưa được ngân sách tỉnh hỗ trợ. Tuy nhiên HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 30/NQ-HĐND Ngày 12/6/2025 quy định mức thưởng cho mức thưởng cho xã Đông Phương, huyện Đông Hưng và xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2018-2020 (mức tiền thưởng 3.000 triệu đồng/xã); Sở Tài chính đã có Tờ trình số 335/TTr-STC ngày 27/6/2025 về việc đề nghị phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn các huyện: Tiền Hải, Vũ Thư, Đông Hưng, Thái Thụy; với tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ là 22 tỷ đồng; trong đó xã nông thôn mới kiểu mẫu 5 tỷ đồng/xã; xã nông thôn mới nâng cao 3 tỷ đồng/xã.

4.4.2. Cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống đèn điện “Thắp sáng

đường quê” trong xây dựng NTM (Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống đèn điện “Thấp sáng đường quê” trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; NQ số 08/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND)

Tỉnh Thái Bình cũ: Tính đến tháng 6/2025, có 227 lượt xã đăng ký và được UBND tỉnh phê duyệt với tổng số 1.667,1734 km, kinh phí đề nghị hỗ trợ là 29.595,6386 triệu đồng; Tuy nhiên, đến nay các địa phương đã lắp đặt được 705,496 km (đạt 42,32 % số đã đăng ký) và đã hoàn thiện quyết toán với số kinh phí hỗ trợ cho các xã là 14.568,362.267 triệu đồng.

4.4.3. Hỗ trợ một phần kinh phí bằng kinh phí mua xi măng trong định mức dự toán xây dựng công trình cho tất cả các xã trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới theo quy định (Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến hết năm 2025)

- Tỉnh Thái Bình cũ: Ngân sách tỉnh đã hỗ trợ kinh phí mua xi măng xây dựng công trình NTM cho 33 xã của 5 huyện (Quỳnh Phụ, Vũ Thư, Đông Hưng, Kiến Xương, Thái Thụy), với tổng số xi măng hỗ trợ là 6.676,66 tấn, tổng kinh phí hỗ trợ là 10.660,82 triệu đồng.

4.4.4. Cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình MTQG theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội

Tỉnh Thái Bình cũ:

Ngày 11/7/2024, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND giao HĐND huyện Tiền Hải thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 giao mục tiêu, nhiệm vụ đối với UBND huyện Tiền Hải trong việc thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2024 - 2025; HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 là 50.000 triệu đồng bổ sung ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để các đối tượng chính sách vay theo cơ chế thí điểm; UBND huyện Tiền Hải đã rà soát, trình HĐND huyện phương án điều chỉnh, phân bổ nguồn vốn Chương trình MTQG theo cơ chế thí điểm được phân cấp, điều chuyển 12.415 triệu đồng kinh phí sự nghiệp giảm nghèo bền vững nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Dự án 2, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 và Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 để thực hiện thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện (đã hỗ trợ cho 05 xã trên địa bàn huyện đăng ký về đích NTM nâng cao năm 2024 hoàn thành các tiêu chí thuộc lĩnh vực an sinh xã hội (trong đó kinh phí xây dựng trường học, trạm y tế là 10,715 tỷ đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn là 1,7 tỷ đồng).

4.5. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP)

Đến nay toàn tỉnh có 583 sản phẩm OCOP (470 sản phẩm đạt 3 sao và 113 sản phẩm đạt 4 sao với tổng số 302 chủ thể sản xuất); trong đó: tỉnh Hưng Yên cũ có 322 sản phẩm (276 sản phẩm đạt 3 sao và 46 sản phẩm đạt 4 sao) với tổng 126

chủ thể sản xuất; tỉnh Thái Bình cũ có 261 sản phẩm OCOP (có 67 sản phẩm 4 sao, 194 sản phẩm xếp hạng 3 sao) với tổng số 176 cơ sở sản xuất

- *Tỉnh Hưng Yên cũ*: Đã hỗ trợ 16 chủ thể sản xuất mua sắm máy móc, thiết bị, chế biến bảo quản nông sản (máy sấy thăng hoa, máy sấy lạnh, máy hạ thủy phân, kho đông lạnh,...) để phát triển sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, mức hỗ trợ tối đa là 50% tổng mức đầu tư mô hình nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình; hỗ trợ xây dựng đường giao thông vùng sản xuất sản phẩm OCOP, gồm: Vùng sản xuất vải lai chín sớm Phù Cừ xã Tam Đa, huyện Phù Cừ, vùng nhãn xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, vùng vải trứng Hưng Yên xã Đa Lộc, huyện Ân Thi,... với 4,86km đã thúc đẩy các chủ thể sản xuất phát triển, hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả và tạo việc làm cho trên 1.000 lao động, thu nhập ổn định từ 6-8 triệu đồng/tháng.

- *Tỉnh Thái Bình cũ*: Từ năm 2021 đến hết năm 2025 chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ; tuy nhiên, bằng nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện đã hỗ trợ trực tiếp cho các sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP hàng năm như: “Hỗ trợ xây dựng, quản lý nhãn hiệu các sản phẩm OCOP (*Hỗ trợ điều tra, khảo sát thu thập dữ liệu sản phẩm; Xây dựng câu chuyện sản phẩm; Xây dựng hồ sơ số hoá sản phẩm, xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị cho các sản phẩm; Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm; Hỗ trợ chi phí bao bì in tem cho các sản phẩm tham gia đánh giá OCOP*)”; Hỗ trợ tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông; Hỗ trợ Website phục vụ truyền thông, quảng bá sản phẩm và thương mại điện tử cho các sản phẩm thế mạnh của địa phương,... Ngoài ra, một số huyện đã xây dựng cơ chế hỗ trợ như: Huyện Thái Thụy xây dựng cơ chế hỗ trợ sản phẩm dịch vụ hàng hóa trong Chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP (hỗ trợ sau đầu tư cho các HTX, Tổ hợp tác và cá nhân tối đa là 90 triệu đồng/sản phẩm; doanh nghiệp vừa và nhỏ là 60 triệu đồng/sản phẩm và không quá 3 sản phẩm/một chủ thể);...

5. Về Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

5.1. Đề án “Xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025”; Đề án “Duy trì và phát triển Hệ thống thông tin điện tử *hy.check.net.vn* truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm sản và Thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025”

a) Kết quả triển khai

- Quyết định phê duyệt: số 2631/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 về việc tiếp tục thực hiện Đề án “Xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025”; số 2917/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Duy trì và phát triển Hệ thống thông tin điện tử *hy.check.net.vn* truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025”.

- Tổng kinh phí thực hiện: 23.450.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Kết quả triển khai:

+ Lấy 343 mẫu phẩm (mẫu đất, mẫu nước, mẫu nước thải, mẫu thức ăn...) để khảo sát, kiểm tra điều kiện sản xuất ban đầu của cơ sở. Kết quả có 343/343 mẫu đạt các chỉ tiêu được chỉ định về điều kiện nuôi - trồng (chiếm 100% mẫu được lấy). Đồng thời lấy 408 mẫu sản phẩm thực phẩm kiểm tra chất lượng, kết quả 100% mẫu đạt đối với các chỉ tiêu phân tích.

+ Tổ chức 314 lớp tập huấn cho trên gần 9.100 người tham gia. Qua tập huấn giúp người sản xuất, chủ cơ sở nắm bắt các quy định về sản xuất rau củ quả, thịt, cá theo quy trình sản xuất an toàn theo VietGAP, VietGAHP; tư vấn và xây dựng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, ISO 22000 cho một số cơ sở tham gia đề án.

+ Lũy kế đến tháng thời điểm báo cáo, Chi cục đã hỗ trợ cho 435 tổ chức/cá nhân trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản với diện tích 4.309,0808ha; 2,9858 triệu con gia súc gia cầm, 5.100 đàn ong, trên 250 lồng cá ước tính hàng năm đưa ra thị trường cho trên 118.121 tấn sản phẩm rau, củ, quả, thịt, cá các loại; 90,29 triệu quả trứng gia cầm và trên 117,28 tấn mật ong an toàn; hỗ trợ chứng nhận HACCP, ISO 22000:2018 cho 09 đơn vị sản xuất, chế biến thực phẩm.

+ Hỗ trợ các công trình hệ thống cấp, thoát nước; cống; kênh xây; Hệ thống cấp điện hạ thế phục vụ sản xuất; nhà lưới, nhà màng, nhà kính; máy móc, trang thiết bị phục vụ cho sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản, kinh doanh sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản, cụ thể: Hệ thống nhà lưới, nhà màng hỗ trợ cho 07 mô hình với diện tích 13.473m²; hệ thống cấp thoát nước tưới tiêu tự động hỗ trợ cho 07 mô hình; hệ thống đường điện phục vụ sản xuất hỗ trợ cho 04 mô hình với 3.300m đường điện và phụ kiện kèm theo; hệ thống xử lý chất thải hỗ trợ cho 02 mô hình; hệ thống sấy nông sản hỗ trợ cho 09 mô hình với 16 hệ thống sấy nông sản; hệ thống bảo quản hỗ trợ cho 01 mô hình với 01 kho lạnh.

+ Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm: Hàng năm phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình trung ương, Báo Nông nghiệp, Báo Hưng Yên xây dựng các phóng sự, tin bài quảng bá sản phẩm; hỗ trợ biển hiệu cho 27 cơ sở; trên 1,5 triệu tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; 03 máy in tem; 56.550 hộp bao bì sản phẩm chung (nhãn, vải, cam, ổi); tư vấn xây dựng logo, nhãn hiệu, thiết kế bao bì, bảo hộ sở hữu trí tuệ và hỗ trợ bao bì sản phẩm để xây dựng thương hiệu cho 70 cơ sở; tư công bố sản phẩm cho 41 sản phẩm.

+ Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh Hưng Yên hoạt động tại webside có tên miền <http://hy.check.net.vn> với các module kết nối cung cầu, module quản lý mã số vùng trồng; xây dựng phiên bản tiếng Anh và tiếng Trung.....Đến nay hệ thống đã kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đến thời điểm báo cáo, trên hệ thống đã có thông tin của 461 cơ sở với trên 1000 sản phẩm được đăng tải.

b) Khó khăn, vướng mắc

- Đa số các cơ sở sản xuất nông nghiệp hoạt động ở quy mô nhỏ lẻ, quy trình sản xuất sản phẩm của một số mô hình chưa tạo ra các sản phẩm khác biệt, sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của khách hàng và đối tác tiêu thụ.

- Một số điều kiện để bảo quản, vận chuyển và cung cấp sản phẩm an toàn còn thiếu. Một số HTX chưa có nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh, làm thương

mai, hạn chế về nhãn mác bao bì, kiến thức về xúc tiến tiêu thụ sản phẩm.

- Chất lượng sản phẩm không đồng đều về mẫu mã, khối lượng hạn chế, không liên tục, theo mùa vụ,... nên khó khăn cho kết nối và tiêu thụ sản phẩm. Nhiều sản phẩm khi lưu thông trên thị trường không nắm bắt được luồng di chuyển sản phẩm do vậy khi thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm gặp nhiều khó khăn, thậm chí không thực hiện được.

- Việc thiết lập các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng với các tổ chức sản xuất trong tỉnh còn hạn chế; các kênh tiêu thụ đa phần vẫn ở hình thức tự phát, không ổn định, nhãn mác bao bì chưa chuyên nghiệp và chưa tuân thủ theo quy định.

- Trình độ của người dân sản xuất nông nghiệp còn hạn chế về xây dựng quy trình, kế hoạch sản xuất; hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thực phẩm; kỹ năng công nghệ thông tin để vận hành hệ thống còn yếu. Các cơ sở đã được bàn giao tài khoản để vận hành, tuy nhiên đa số đều chưa chủ động cập nhật thông tin trên hệ thống.

- Việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn mới nên nhận thức của một bộ phận cơ quan quản lý và nông dân còn hạn chế, chưa thấy được vai trò, tầm quan trọng, hiệu quả của việc áp dụng công nghệ trong quản lý sản xuất, kinh doanh.

- Các đơn vị đã được bàn giao tài khoản để vận hành, tuy nhiên kỹ năng công nghệ thông tin của cán bộ được giao vận hành còn hạn chế

- Nguồn vốn đầu tư cho công nghệ số còn hạn hẹp, năng lực tài chính chưa đáp ứng được yêu cầu của chuyển đổi số; các HTX, cơ sở sản xuất nông nghiệp đa số có quy mô nhỏ, chủ yếu là sản xuất, hoạt động chế biến, kinh doanh chưa mạnh mẽ; khả năng huy động nguồn lực chưa cao

c) Đề xuất, kiến nghị

- Các Sở, ngành, UBND các cấp tăng cường phối hợp xây dựng các chuỗi sản xuất, kinh doanh thực phẩm đảm bảo an toàn; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nhằm nâng cao giá trị thương hiệu cho nông sản Hưng Yên.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, điều kiện sản xuất kinh doanh sản phẩm thực phẩm nhóm ngành quản lý; tăng cường phối hợp trong công tác xúc tiến, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng chỉ dẫn địa lý,...vv; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện quy trình, giải pháp trong truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

- Tăng cường các hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu Hệ thống truy xuất nguồn gốc của các tỉnh thành; chuẩn hóa cơ sở dữ liệu liên thông trong nước và quốc tế tạo điều kiện để truy xuất nguồn gốc sản phẩm thuận lợi giao thương hàng hóa xuất, nhập khẩu sản phẩm nông lâm thủy sản

- UBND tỉnh tiếp tục quan tâm cấp kinh phí và tạo điều kiện để chương trình được duy trì, mở rộng trong các năm tiếp theo.

5.2. Nghị quyết số 40/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025

a) Kết quả triển khai

- Quyết định phê duyệt: số 643/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo trên thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu tại Thái Bình.

- Tổng kinh phí thực hiện: 8.232.270.000 đồng, trong đó kinh phí nhà nước hỗ trợ là 2.376.000.000 đồng còn lại là vốn đối ứng của doanh nghiệp.

- Kết quả thực hiện: UBND tỉnh ban hành 03 quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo trên thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu tại Thái Bình với tổng kinh phí đến thời điểm báo cáo là 1.297.764.000 đồng.

b) Khó khăn, vướng mắc

- Các dự án liên kết thực hiện vượt thời hiệu này, có được hỗ trợ hay không, phải do HĐND tỉnh quyết định.

- Đối với ngành lúa gạo: Yêu cầu về quy mô diện tích 100ha/vụ, mặc dù là lớn so với quy mô sản xuất lúa gạo ở Thái Bình, nhưng cũng có liên kết đáp ứng được (Như các liên kết sản xuất giống lúa). Tuy nhiên, để liên kết đến sản xuất gạo thì không nhiều, hiện nay chỉ duy nhất Công ty TNHH Hưng Cúc là đáp ứng yêu cầu.

- Các loại khác (Ngô, dưa, khoai tây, hành..): khó có vùng tập trung với diện tích đủ lớn theo yêu cầu liên kết.

- Ngành lợn, gia cầm, thủy sản: Yêu cầu về liên kết trong chăn nuôi thường xuyên 500 con lợn hoặc 10 ngàn con gia cầm/chu kỳ sản xuất cũng rất khó tiếp cận. Hơn nữa, với trường hợp chủ liên kết ở tỉnh ngoài hoặc xây dựng cơ sở thu mua, chế biến ở tỉnh ngoài có được hỗ trợ hay không?

Dự án chỉ phù hợp với các chủ liên kết đã có sẵn một số văn bản, hạ tầng: Chủ trương đầu tư, dự án đã duyệt, cơ sở hạ tầng, nhà máy chế biến... nhất là đất đai đã có sẵn.. chỉ mở rộng hoạt động theo dự án liên kết được duyệt. Còn các chủ liên kết mới, liên kết với các hộ dân để tổ chức sản xuất lần đầu, chưa có đất, chưa có nhà máy chế biến... thì rất khó thực hiện trong khung thời gian có hạn 2022-2025.

c) Đề xuất, kiến nghị: Đề nghị giữ nguyên nội dung Nghị quyết đến hết thời hiệu năm 2025.

6. Về Khuyến nông

6.1. Các mô hình khuyến nông lĩnh vực Chăn nuôi

Trong giai đoạn 2021-2025, đã tập trung xây dựng mô hình chăn nuôi các giống mới, đặc sản, có giá trị kinh tế cao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm thực hiện tái cơ cấu giống vật nuôi, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, góp phần bảo vệ môi trường, điển hình là các Mô hình Phát triển chăn nuôi gà Đông Tảo lai ứng dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi nhằm bảo tồn, nâng cao thương hiệu, giá trị, hiệu quả; Mô hình Chăn nuôi gà Đông Tảo lai theo hướng hữu cơ; Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm; Mô hình nuôi gà Lạc Thủy; Mô hình chăn nuôi gà Ri lai, Mía lai, Lương Phượng lai đảm bảo an toàn sinh học; Mô hình Chăn nuôi vịt thịt an toàn sinh học; Mô hình nuôi vịt Cherry SM3 thương phẩm an toàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; Mô hình nuôi ngan Pháp R7; Mô hình Vịt biển 15 Đại Xuyên gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; Mô hình Phát triển chăn nuôi bò vỗ béo gắn với bảo vệ môi trường; Mô hình vỗ béo trâu

thịt theo chuỗi liên kết sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi; Mô hình Chăn nuôi đà điểu lấy thịt; Mô hình Vỗ béo bò; Mô hình Chăn nuôi dê thương phẩm; Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm; Mô hình nuôi Thỏ Newzealan thương phẩm an toàn sinh học gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm...

Tổng kinh phí triển khai thực hiện: hỗ trợ cho người dân nông dân tham gia mô hình trên 11.000.000 đồng.

Mức hỗ trợ giống, thức ăn hỗn hợp, chế phẩm sinh học... cho các chủ hộ tham gia mô hình theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến nông và Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về thiết bị, vật tư thiết yếu.

Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn, tham quan, tổng kết các mô hình và không quá 5% kinh phí quản lý, xăng xe và chi khác.

Kết quả đánh giá về các mô hình: các hộ tham gia các mô hình đều đánh giá mô hình có hiệu quả tốt, quy trình kỹ thuật không quá phức tạp, phù hợp với điều kiện chăn nuôi của các gia đình, đàn gà, vịt, dê, bò trong các mô hình đều sinh trưởng, phát triển tốt. Các chỉ tiêu về kỹ thuật như tỷ lệ sống, khối lượng xuất chuồng và tiêu tốn thức ăn cho 1 kg tăng trọng đều đạt, tăng khối lượng bình quân/con/ngày đều vượt so với yêu cầu của mô hình, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ chăn nuôi.

6.2. Các mô hình khuyến nông lĩnh vực thủy sản

Trong giai đoạn 2021-2025, các cứ vào các đề án của tỉnh về phát triển thủy sản như đề án phát triển nuôi cá lồng trên sông, đề án nuôi thủy sản trong ao bán nổi, đã triển khai thực hiện các mô hình nuôi các đối tượng thủy, đặc sản theo hướng VietGap, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm như: Mô hình “Nuôi ghép cá chép lai V1 theo hướng VietGap”; Mô hình “Ứng dụng chế phẩm sinh học để xử lý, cải tạo môi trường ao nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong nuôi trồng thủy sản”; Mô hình "Nuôi cá diêu hồng trong lồng bè"; Mô hình: "Nuôi ghép cá trắm cỏ là chính trong ao"; Mô hình "Nuôi ghép cá chép là chính trong ao"; Mô hình "Nuôi cá rô phi trong lồng bè"; Mô hình “Nuôi thâm canh cá rô phi trong ao”; mô hình nuôi cá Trắm đen bằng thức ăn công nghiệp trong ao bán nổi; Mô hình nuôi cá Lăng trong lồng bè...

Tổng kinh phí triển khai thực hiện: hỗ trợ cho người dân nông dân tham gia mô hình gần 14.000.000.000 đồng.

Mức hỗ trợ giống, thức ăn hỗn hợp, men vi sinh... cho các chủ hộ tham gia mô hình theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến nông và Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về thiết bị, vật tư thiết yếu.

Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn, tham quan, tổng kết các mô hình và không quá 5% kinh phí quản lý, xăng xe và chi khác.

Kết quả đánh giá về các mô hình: Các mô hình nuôi cá trong ao giúp nông dân khắc phục những vướng mắc về kỹ thuật sử dụng thuốc khử ao nuôi, thức ăn...

trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Các mô hình nuôi cá trong lồng bè đã tận dụng được dòng chảy của nước, nuôi trên lồng bè sẽ nuôi được mật độ cao hơn nhiều so với nuôi ao đất, mô hình đã hạn chế được dịch bệnh, giảm chi phí đầu vào. Vì vậy cá sinh trưởng phát triển tốt, các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với yêu cầu của mô hình.

6.3. Các mô hình khuyến nông lĩnh vực trồng trọt

Căn cứ vào chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh về phát triển trồng trọt giai đoạn 2021-2025, đã tập trung triển khai các mô hình về phát triển cây ăn quả, hoa, cây cảnh, rau màu gắn với quy trình VietGap, theo hướng hữu cơ, liên kết tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng cơ giới, tự động hoá vào sản xuất, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.... Điển hình là Dự án “Sử dụng sản phẩm vi sinh Sumitri để xử lý rơm, gốc rạ sau thu hoạch lúa tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2021”; Đề án “Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa cây cảnh tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025”; Dự án Tăng cường chuỗi giá trị cây trồng an toàn tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam, mô hình "Sản xuất hoa lily chậu"; Mô hình sản xuất nấm ứng dụng hệ thống tưới nước thông minh; Mô hình đồng bộ cơ giới hoá trong sản xuất khoai tây; Mô hình chuyển đổi đất lúa sang trồng 1 vụ Lạc, 2 vụ Ngô; Mô hình nuôi Rươi kết hợp với cấy lúa....

Tổng kinh phí triển khai thực hiện: hỗ trợ cho người dân nông dân tham gia mô hình hơn 25.000.000.000 đồng.

Mức hỗ trợ giống, vật tư, kinh phí... cho các chủ hộ tham gia mô hình theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến nông, Thông tư 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động Khuyến nông; Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên về phê duyệt đề án “Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025”.

Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về giống, vật tư thiết yếu đối với các mô hình khuyến nông.

Đề án “Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025”, mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cho các hộ tham gia mô hình “Tưới cho cây ăn quả”, hỗ trợ 100% chi phí về giống, vật tư.

Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn, tham quan, tổng kết các mô hình và không quá 5% kinh phí quản lý, xăng xe và chi khác.

Kết quả đánh giá về các mô hình: Các mô hình đã hạn chế sử dụng thuốc BVTV, bảo vệ môi trường, tạo ra được các sản phẩm hoa, quả chất lượng tốt và an toàn. Từ đó giúp giá bán cao hơn, ổn định hơn, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất. Bên cạnh đó, các mô hình ứng dụng công nghệ vào canh tác như Mô hình tưới cho cây ăn quả đã tạo nền móng cho sự phát triển nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh Hưng Yên nhằm bắt kịp với xu thế sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Các hoạt động của dự án đã giúp các Hợp tác xã mục tiêu nắm được các kỹ năng về sản xuất, quản lý Hợp tác xã, Marketing cho sản phẩm, nắm bắt được nhu cầu thị trường để xây dựng kế hoạch sản xuất cho phù hợp, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã.

6.4. Công tác bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

Trong giai đoạn 2021-2025, đã tập trung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến nông viên cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng về nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, phương pháp quảng bá sản phẩm nông nghiệp bằng hình thức online, chuyển đổi số, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm, tập huấn về sản xuất trồng trọt, chăn nuôi theo hướng hữu cơ, Vietgap, tập huấn ứng dụng công nghệ sinh học nuôi thủy sản...tổ chức 496 lớp tập huấn chuyên giao tiến bộ kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cho trên 42.750 lượt nông dân trong tỉnh; 76 lớp tập huấn TOT cho 2.760 lượt học viên là cán bộ Khuyến nông, cộng tác viên Khuyến nông; 07 đoàn khảo sát, học tập cho 60 học viên là cán bộ Khuyến nông, cộng tác viên Khuyến nông và nông dân tham quan 21 mô hình áp dụng công nghệ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp thành công, mang lại hiệu quả kinh tế cao tại 10 tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Huế, Đà Nẵng, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Tổng kinh phí thực hiện trên: 5.000.000.000 đồng.

Kết quả đánh giá các lớp tập huấn, đoàn khảo sát: Điều được tổ chức đúng theo kế hoạch, đạt yêu cầu, giúp nâng cao trình độ sản xuất cho các hộ nông dân, phù hợp với điều kiện từng địa phương. Các hộ nông dân tham gia lớp tập huấn, đoàn khảo sát tiếp thu được những kiến thức, kỹ thuật tiên bộ mới, mô hình sản xuất tiên tiến có tính ứng dụng cao trong thực tế.

6.5. Công tác thông tin tuyên truyền

Trong giai đoạn 2021-2025, bám sát chủ trương của Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, từ thực tế sản xuất và Trung đã Phối hợp chặt chẽ với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo, Báo Nông nghiệp Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam,... trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, các biện pháp kỹ thuật thích ứng với điều kiện thời tiết bất thuận như mưa, lụt, rét, nóng..., Thông tin tuyên truyền khoa học kỹ thuật về cây trồng, vật nuôi, giới thiệu các mô hình, dự án khuyến nông, điển hình trong sản xuất nông nghiệp. Các thông tin được tuyên truyền phù hợp với nhu cầu thực tế và định hướng phát triển của ngành nông nghiệp như: Đề án “Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa cây cảnh tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025”; Dự án Tăng cường chuỗi giá trị cây trồng an toàn tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam; Các mô hình theo hướng phát triển của tỉnh như Mô hình chăn nuôi gà, vịt thương phẩm; Mô hình Nuôi ghép cá Trắm cỏ, cá chép là chính trong ao,...

Duy trì xuất bản 4 số Bản tin/năm; chất lượng Bản tin khuyến nông ngày càng được nâng lên. Thực hiện trên 500 chương trình khoa giáo, phát thanh, thời sự, phóng sự; xuất bản 50 số bản tin khuyến nông với số lượng 27.400 cuốn; đăng 500 bài trên Website các bài viết mang tính chất thời sự, khắc phục sự cố.

Tổng kinh phí thực hiện gần 7.000.000.000 đồng.

Kết quả đánh giá nội dung thông tin tuyên truyền: Các mô hình dự án do Trung tâm Khuyến nông triển khai thực hiện và tiến bộ kỹ thuật được thông tin tuyên truyền sâu rộng đến nhiều hộ nông dân. Qua đó hộ nông dân biết và tìm đến tận nơi các mô

hình dự án điển hình để tham quan, học tập kinh nghiệm để áp dụng vào trong thực tế sản xuất của gia đình.

7. Về Kiểm Lâm

Trong giai đoạn 2021 -2025, lĩnh vực lâm nghiệp thực hiện theo các chương trình: mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; trồng 1 tỷ cây xanh theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 1/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025".

7.1. Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững

a) Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Về bảo vệ rừng: Toàn bộ diện tích rừng của tỉnh do UBND các xã có rừng trực tiếp quản lý. Hàng năm, để thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, UBND các xã có rừng đã thành lập tổ bảo vệ rừng hoặc khoán cho các hộ gia đình trông coi bảo vệ rừng theo quy định. Thời gian qua đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan trong công tác quản lý bảo vệ rừng, do đó những hành vi xâm hại đến rừng đều được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời.

- Về phòng cháy chữa cháy rừng: Các địa phương có rừng phi lao đã xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng, lên phương án sẵn sàng huy động, vật tư, phương tiện và lực lượng tham gia khi xảy ra cháy rừng trên địa bàn. Đồng thời, Chi cục Kiểm lâm đã ban hành kế hoạch xử lý khi xảy ra cháy rừng trên địa bàn.

- Bảo tồn đa dạng sinh học: Tuần tra, kiểm soát và triển khai các đợt tập huấn tuyên truyền về bảo tồn đa dạng sinh học tại 02 Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy và Tiền Hải.

b) Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

Trồng rừng đặc dụng, phòng hộ ven biển: Giai đoạn từ năm 2021 đến nay đã trồng được 62,2 ha rừng ven biển.

c) Nhiệm vụ khác

- Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ triển khai Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Ngày 24/10/2021, UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Kế hoạch số 142/KH-UBND Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Kết quả triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch như sau:

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện Chiến lược: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung của Chiến lược, Kế hoạch của UBND tỉnh đến các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Chiến lược;

+ Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách lâm nghiệp: tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành luật Lâm nghiệp 2017; rà soát các văn bản quy phạm pháp

luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp theo chỉ đạo của cấp trên.

- + Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động lâm nghiệp: Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển rừng; sử dụng rừng;

- + Triển khai hệ thống lập kế hoạch và giám sát ngành Lâm nghiệp: thực hiện báo cáo theo quy định trên hệ thống giám sát.

- Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia: phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp: Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng theo Kế hoạch tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh Thái Bình.

7.2. Chương trình trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025

Trồng cây phân tán: Trên địa bàn toàn tỉnh (Thái Bình cũ và Hưng Yên cũ) đã thực hiện trồng được hơn 8 triệu cây phân tán các loại thông qua các đợt phát động Tết trồng cây và trồng cây vụ xuân (cây lâm nghiệp cây ăn quả, cây dược liệu...)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Hiệu quả từ các chính sách

Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, đã triển khai, hoàn thành tốt các chương trình, đề án, dự án, mô hình ... phù hợp với thực tế, đáp ứng được nhu cầu cần thiết của người dân. Cán bộ, công chức viên chức, người lao động trực thuộc Sở có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, tinh thần trách nhiệm cao và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chính sách hỗ trợ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sinh học, thuốc trừ chuột, cùng với các chính sách khuyến khích tích tụ tập trung đất đai và liên kết sản xuất nông nghiệp đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, sản xuất an toàn, bền vững, nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm.

Hỗ trợ giống cây trồng chất lượng cao giúp nâng cao năng suất, khả năng chống chịu sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy người dân các địa phương ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhất là tiến bộ về giống, góp phần giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả sản xuất, hạn chế tình trạng người dân bỏ ruộng, ổn định cuộc sống.

Chính sách hỗ trợ phân bón, phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón hữu cơ sinh học giúp người dân các địa phương hiểu được tầm quan trọng của việc sử dụng phân hữu cơ trong sản xuất, giảm phân bón hóa học, hướng tới sản xuất nông nghiệp chuyển đổi theo hướng hữu cơ và hữu cơ bền vững, tạo ra các sản phẩm an toàn chất lượng, góp phần nâng cao giá trị trên 1 ha từ 210 triệu đồng/ha (năm 2020) lên 250 triệu đồng/ha năm 2024.

Hiệu quả của chính sách hỗ trợ tích tụ tập trung đất đai và liên kết sản xuất: Đây là những chính sách then chốt để khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sản xuất nông nghiệp, vốn là rào cản lớn đối với việc ứng dụng khoa học kỹ

thuật, cơ giới hóa và phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Khi đất đai được tích tụ, tập trung, người nông dân có điều kiện hơn để đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, từ đó nâng cao năng suất lao động và giảm giá thành sản phẩm. Đồng thời, việc khuyến khích liên kết sản xuất giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã đã tạo ra chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản, nâng cao thu nhập cho nông dân. Các hình thức liên kết giúp nông dân tiếp cận thông tin thị trường, khoa học kỹ thuật, giảm rủi ro trong sản xuất và nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường.

Chủ động trong công tác phòng, chống dịch của tỉnh đã tạo đà để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển sản xuất chăn nuôi tại tỉnh, số trang trại chăn nuôi, nhất là các trang trại chăn nuôi công nghệ cao, đảm bảo an toàn sinh học không ngừng được tăng lên; sự chuyển dịch cơ cấu giống vật nuôi mạnh mẽ theo hướng tăng nhanh các giống vật nuôi (lợn, gà, vịt) cao sản hướng thịt, trứng; giảm thời gian nuôi, tăng khối lượng xuất chuồng và số lứa/năm; kết quả, tốc độ tăng trưởng chăn nuôi tăng đều qua các năm.

Chăn nuôi trở thành ngành nghề để phát triển kinh tế hộ gia đình, người chăn nuôi được tuyên truyền, tập huấn nhiều lần về công tác phòng, chống dịch bệnh, đã nắm được những kiến thức cơ bản trong chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi như: Tự thực hiện tiêm phòng, chăm sóc, điều trị bệnh cho đàn vật nuôi; nhiều hộ từ chăn nuôi nhỏ lẻ phát triển, mở rộng quy mô chăn nuôi thành chăn nuôi trang trại, công nghiệp, hiện đại. Hầu hết những hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, manh mún, không có kiến thức về phòng chống dịch bệnh, về kỹ thuật chăn nuôi đều đã dừng chăn nuôi.

Chính sách hỗ trợ phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả cao: toàn tỉnh có 759 HTX nông nghiệp (tăng 05 HTX so với năm 2024), trong đó, có 464 HTX tổ chức lại hoạt động và 295 HTX thành lập mới; các HTX thu hút 424.465 thành viên, bình quân 559 thành viên/HTX. Có 760 THT nông nghiệp (tăng 50 THT so với năm 2024). Có 02 liên hiệp HTX nông nghiệp. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP): Đến nay, toàn tỉnh có 261 sản phẩm OCOP (*67 sản phẩm 4 sao, 194 sản phẩm 3 sao*), với tổng số 178 cơ sở sản xuất (*50 doanh nghiệp, 71 hợp tác xã và 57 hộ kinh doanh*). Về hỗ trợ kinh phí mua máy cày, thiết bị sấy phục vụ sản xuất nông nghiệp: Đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 hỗ trợ đợt 1 năm 2025 cho 277 máy cày, 07 thiết bị sấy (tính đến tháng 6 năm 2027 đã hỗ trợ được 1.756 máy cày và 32 thiết bị sấy)..

2. Tồn tại, hạn chế

- Ở một số địa phương, việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ, nhất là hỗ trợ giống giống lúa, hỗ trợ phân bón trên cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP chưa sát với nhu cầu thực tế, việc tổ chức thực hiện chưa linh hoạt nên chưa sử dụng hết nguồn kinh phí đã cấp.

- Vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ ở một số cơ sở còn thiếu sâu sát, quyết liệt nên đã hạn chế hiệu quả, tác dụng của những chính sách hỗ trợ.

- Kinh phí được cấp để thực hiện một số đề tài, dự án, xây dựng các mô hình ứng dụng,... còn thiếu so với nhu cầu và quyết định phê duyệt của UBND nên một số nội dung, hạng mục của đề tài, dự án,... chưa đảm bảo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Khó khăn liên quan đến quy định của pháp luật về đất đai: Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND (gọi tắt là Nghị quyết) được ban hành trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực, một số quy định của Nghị quyết không còn phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa. Thủ tục cho thuê đất, chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất trên thực tế khó thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Người dân vẫn còn tâm lý giữ đất, giữ ruộng, không có nhu cầu sản xuất nông nghiệp và thậm chí có người sẵn sàng bỏ ruộng hoang nhưng cũng không muốn chuyển nhượng, cho người khác thuê lại đất hoặc một số người dân do chưa hiểu biết đầy đủ về chính sách pháp luật, cùng tâm lý sợ mất đất, mất ruộng nên e ngại, không muốn ký kết hợp đồng, không phối hợp làm thủ tục cho người khác thuê lại ruộng đất để sản xuất.

- Quy mô đồng ruộng còn thấp (diện tích canh tác bình quân khoảng 0,2ha/hộ; để đủ điều kiện hỗ trợ thì phải ký hợp đồng với ít nhất 100 hộ), muốn thuê đủ diện tích đất để sản xuất có hiệu quả, nhà đầu tư phải hợp đồng với quá nhiều đối tượng với những điều kiện và yêu cầu khác nhau dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm.

- Việc cấp ngân sách của tỉnh đầu tư cho các dự án phát triển chăn nuôi còn hạn chế so với mục tiêu của dự án nên kết quả đạt được còn ở mức khiêm tốn

- Có thời điểm giá nguyên liệu đầu vào tăng cao từ 20 % - 40%, giá bán sản phẩm không ổn định, nhất là giá lợn thịt thời gian dài đứng ở mức thấp làm ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi

- Chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP, chăn nuôi hướng hữu cơ đã được quan tâm và đạt được kết quả bước đầu, xong còn thấp (15-20%) chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chăn nuôi nông hộ mật độ dày, chăn nuôi trang trại hầu hết nằm trong khu dân cư, không đủ điều kiện theo Luật, không đạt tiêu chí về khoảng cách; môi trường chăn nuôi xử lý chưa triệt để gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng; quy hoạch đất dành cho phát triển chăn nuôi chưa được quan tâm đúng mức, chưa có cơ sở giết mổ tập trung, chủ yếu giết mổ quy mô nông hộ, công nghệ chưa tiên tiến gây khó khăn trong công tác quản lý và kiểm soát dịch bệnh, kiểm soát an toàn thực phẩm.

- Liên kết trong sản xuất chăn nuôi còn yếu và thiếu bền vững. Hợp tác xã chăn nuôi được thành lập, xong chất lượng hoạt động còn hạn chế, chưa thực hiện tốt dịch vụ đầu vào và đầu ra cho các thành viên hợp tác xã; trình độ quản trị của lãnh đạo hợp tác xã còn hạn chế.

- Công tác nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng các máy phục vụ sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế đặc biệt đối với các loại cây ăn quả, rau màu. Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung vào khâu làm đất, khâu thu hoạch cây lúa, chưa chú ý vào các khâu khác trong cây trồng, vật nuôi, nhất là máy móc trong giết mổ gia súc, gia cầm, dây chuyền giết mổ.

- Các hộ nông dân, các hợp tác xã nông nghiệp hiện nay còn thiếu về thông tin và điều kiện để áp dụng cơ giới hoá đồng bộ, dẫn tới việc mua sắm thiết bị máy móc phục vụ cơ giới hoá còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ. Hiệu suất sử dụng máy chưa cao, chưa hình thành các tổ chức dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp, người sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp chưa qua đào tạo.

- Kinh phí hỗ trợ của tỉnh còn hạn chế (bố trí khoảng 37,6% so với được nhu cầu thực hiện dự án theo quyết định được phê duyệt); các địa phương cũng chưa bố trí nguồn tài chính để thực hiện.

- Một số điều kiện để bảo quản, vận chuyển và cung cấp sản phẩm an toàn còn thiếu. Một số HTX chưa có nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh, làm thương mại, hạn chế về nhãn mác bao bì, kiến thức về xúc tiến tiêu thụ sản phẩm.

- Chất lượng sản phẩm không đồng đều về mẫu mã, khối lượng hạn chế, không liên tục, theo mùa vụ,... nên khó khăn cho kết nối và tiêu thụ sản phẩm. Nhiều sản phẩm khi lưu thông trên thị trường không nắm bắt được luồng di chuyển sản phẩm do vậy khi thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm gặp nhiều khó khăn, thậm chí không thực hiện được.

- Việc thiết lập các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng với các tổ chức sản xuất trong tỉnh còn hạn chế; các kênh tiêu thụ đa phần vẫn ở hình thức tự phát, không ổn định, nhãn mác bao bì chưa chuyên nghiệp và chưa tuân thủ theo quy định.

- Việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn mới nên nhận thức của một bộ phận cơ quan quản lý và nông dân còn hạn chế, chưa thấy được vai trò, tầm quan trọng, hiệu quả của việc áp dụng công nghệ trong quản lý sản xuất, kinh doanh.

- Các đơn vị đã được bàn giao tài khoản để vận hành, tuy nhiên kỹ năng công nghệ thông tin của cán bộ được giao vận hành còn hạn chế

- Nguồn vốn đầu tư cho công nghệ số còn hạn hẹp, năng lực tài chính chưa đáp ứng được yêu cầu của chuyển đổi số; các HTX, cơ sở sản xuất nông nghiệp đa số có quy mô nhỏ, chủ yếu là sản xuất, hoạt động chế biến, kinh doanh chưa mạnh mẽ; khả năng huy động nguồn lực chưa cao.

Trên đây là một số nội dung tổng hợp tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; Sở Nông nghiệp và Môi trường trân trọng báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- GD Sở;
- Phòng KH-TC;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Kiên